

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07/4/2022

V/v : Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Vân

Ông Nguyễn Ngọc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2021/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2022/QĐXX-ST ngày 15 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1993 “vắng mặt”

Trú tại: Q, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B - Sinh năm 1993 “vắng mặt”

ĐKKH: C, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: N, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn B kết hôn với nhau vào năm 2016, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm cách sống khác nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Do mâu thuẫn căng thẳng nên anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2021 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

Về con: Anh chị có 01 con chung: cháu Nguyễn Minh Đ - sinh ngày 13/12/2016. Ly hôn, chị xin được nuôi cháu Đ và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn anh Nguyễn Văn B theo quy định của pháp luật nhưng anh B không đến Tòa án để tự khai cũng như tham gia phiên hòa giải.

Tại phiên tòa hôm nay chị H có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Anh B vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành của nguyên đơn kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Đối với bị đơn thì Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa tuy nhiên đều vắng mặt không có lý do nên giải quyết vắng mặt là phù hợp.

Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Đây là vụ án ly hôn, bị đơn cư trú tại thành phố T. Do đó, Tòa án thành phố Thanh Hóa thụ lý và giải quyết là đúng quy định. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với chị H và anh B để tham gia phiên tòa. Chị H đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh B vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của BLTTDS giải quyết vắng mặt chị H và anh B là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Qua xác minh tại địa phương và của ông Nguyễn Văn C (bố đẻ anh B) thể hiện: anh chị chung sống có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau từ năm 2021 cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh B để tham gia tố tụng nhưng anh đều vắng mặt. Điều đó cho thấy anh không có thiện chí để giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn B là phù hợp.

Về con: Anh chị có 01 con chung. Quan điểm của chị H xin được nuôi cháu và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ

án, mặc dù anh B không có ý kiến về hôn nhân cũng như về con nhưng qua xác minh ở địa phương cũng như gia đình anh B cung cấp thì từ khi anh chị sống ly thân cháu ở với chị H và chị H vẫn nuôi dạy cháu đảm bảo về mọi mặt. Để ổn định cuộc sống của cháu nên giao cháu Đ cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị H không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của chị là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh B không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định. Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/QH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

Về con: Công nhận cháu Nguyễn Minh Đ - sinh ngày 13/12/2016 là con chung của chị H và anh B. Giao cháu Đ cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh B có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ai cản trở.

Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001550 ngày 21/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa (chị H đã nộp đủ án phí).

Chị H, anh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA- TPTH;
- UBND P. Q;
- Lưu hồ sơ .

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Thủy